

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HSST

Ngày: 28 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Ông Vũ Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/HSST-QĐ ngày 26/11/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cứ Thị L**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 01/01/1981, tại B;

Nơi cư trú: Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: Không; Con ông: Cứ A C (Đã chết); Con bà: Vàng Thị D (Đã chết); Chồng: Hừ Pó C; Con: Bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử, xử phạt 26 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", năm 2015, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 27/10/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử, xử phạt 26 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 22/6/2018 chấp hành xong toàn bộ bản án. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/9/2021, cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- Người làn chứng:

Anh Cú A T; Địa chỉ: Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

Anh Triệu Quang K; Địa chỉ: Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 45 phút ngày 08/9/2021, tổ công tác Công an thành phố Đ tiến hành kiểm tra nhà bị cáo Cú Thị L tại bản L, xã M, thành phố Đ, phát hiện thu giữ trên giường cạnh chỗ bị cáo đang ngồi 01 mảnh giấy bạc màu trắng, trên mảnh giấy bạc có các cục nhỏ màu trắng cháy dở và 01 chiếc bật lửa ga màu xanh. Bị cáo tự giác lấy từ khe tường tại góc nhà cạnh cửa ra vào 01 gói nilon màu hồng và lấy trong túi nilon màu trắng treo ở cột nhà tại phòng ngủ 01 gói nilon màu hồng, bên trong 02 gói đều là các cục chất bột màu trắng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine. Nguồn gốc số ma túy trên có được là do ngày 07/9/2021, bị cáo đi bộ đến giữa bản L 2, xã M, thành phố Đ, mua của một người phụ nữ không quen biết ngoài đường, với giá 2.000.000 đồng mang về nhà cất giấu để sử dụng. Ngày 08/9/2021, bị cáo lấy gói Heroine ra chia thành 02 phần và xé 02 mảnh nilon màu hồng gói lại, bị cáo giấu 01 gói trong túi nilon màu trắng, treo lên cột nhà tại phòng ngủ, gói còn lại bị cáo mở ra lấy một ít, cho lên mảnh giấy bạc để sử dụng, rồi gói số Heroine còn lại giấu tại góc nhà. Khi bị cáo đang ngồi sử dụng ma túy, thì bị tổ công tác phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 08/9/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1047/GĐ-PC09 ngày 10/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 5,82gam;

Tại bản cáo trạng số 150/CT-VKS-TPĐBP ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Cú Thị L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 4,813 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 chiếc bật lửa ga, 01 túi nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Cú Thị L không bổ sung thêm lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 09 giờ 45 phút ngày 08/9/2021, tại bản L, xã M, thành phố Đ, Cú Thị L đã có hành vi cất giấu trái phép trong nhà 5,82 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 45 phút ngày 08/9/2021, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 08/9/2021, kết luận giám định số 1047/GĐ-PC09 ngày 10/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi Tàng trữ 5,82 gam trái phép chất ma túy của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 29/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử, xử phạt 26 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Ngày 27/10/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử, xử phạt 26 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong toàn bộ các bản án, nên đương nhiên được xóa án tích.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Mặc dù đã phải đi chấp hành án về tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Cú Thị L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Với khối lượng ma túy mà

bị cáo tàng trữ là 5,82 gam Heroine, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nướng, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, tại bản L, xã M, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, Công an thành phố Đ đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[6]. Vật chứng: 4,813 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 chiếc bật lửa ga, 01 túi nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Cù Thị L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Cù Thị L 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 4,813 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 chiếc bật lửa ga, 01 túi nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành